TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 11 – 2018
"V/v ly hôn giữa
chị L và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 384/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1975. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ - Sinh năm 1977. (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Ph, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 1995 chị và anh Nguyễn Tấn Đ tìm hiểu về tình cảm và hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống bình thường, sau đó khoảng năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên ly thân từ tháng 10/2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2018 bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày như trình bày trên của chị L. Nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 19/10/1998, cháu Ng đã thành niên lao động được, hai bên đương sự không có

yêu cầu giải quyết; cháu Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 28/7/2005, các con đang sống với anh Đ. Ý kiến của chị L tùy theo nguyện vọng của cháu Đ muốn sống với cha hay mẹ thì người đó nuôi, nếu cháu Đ sống với chị thì không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Phú Đ và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh Đ.

[2] Chị L và anh Đ chung sống như vợ chồng năm 1995, thời điểm này chị L 20 tuổi, anh Đ 18 tuổi, nên anh Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo luật định, nhưng căn cứ vào điểm d.1. khoản 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "*Nếu đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thưởng đã có con, có tài sản chung thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án thụ lý để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung"*, do đó Tòa án không hủy việc kết hôn do không đủ tuổi, mà vẫn giải quyết ly hôn theo thủ tục chung.

[3] Tuy nhiên, khi đủ tuổi kết hôn chị L và anh Đ cũng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn Đ là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Kim Ng đã thành niên và lao động được, hai bên đương sự không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, đối với cháu Nguyễn Phú Đ chưa thành niên đang sống với anh Đ và có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ được nuôi cháu Đ, anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình chị Lượm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Không có, nên Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn Đ là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 28/7/2005 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đ đang sống với anh Đ. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007182 ngày 20/11/2018, còn lại 150.000đ hoàn trả cho chị Lượm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương